

DANH SÁCH ĐIỂM MÔN GDQP-AN
Học Kỳ 2 - Năm Học 22-23

Môn học/Nhóm **Giáo dục quốc phòng và an ninh - 15 tuần 29**
CBGD **Nguyễn Thành Quân**

Mã MH	STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP1	BP2	BP3	BP4	BP5	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	GHI CHÚ
							LT1	LT2	ĐL	BS	RL				tiểu đội
234012	1	2119110135	Nguyễn Phan Trường An		09/02/2001	CCQ1911E						0.0		0.0	
234012	2	2122110200	Nguyễn Anh Bảo		03/09/2003	CCQ2211E	6.0	5.5	7.0	9.0	7.0	7.2	7.0	7.1	4
234012	3	2122110215	Nguyễn Đăng Bảo		18/10/2004	CCQ2211F	5.8	6.0	6.5	8.3	8.0	7.3	5.6	6.3	2
234012	4	2122110232	Nguyễn Thanh Bình		30/11/2004	CCQ2211F	6.3	6.8	6.5	7.0	7.0	6.8	6.6	6.7	2
234012	5	2122110192	Lê Hữu Kế		31/10/2004	CCQ2211E	4.8	5.8	7.0	9.0	7.0	7.1	5.4	6.1	4
234012	6	2122110189	Trần Văn Chiến		07/10/2004	CCQ2211E						0.0		0.0	
234012	7	2122110167	Hoàng Trương Mạnh Cường		17/07/2004	CCQ2211E	7.5	6.8	6.0	8.3	7.0	7.3	5.8	6.4	3
234012	8	2122110164	Nguyễn Hoàng Duy		08/06/2004	CCQ2211E	7.5	8.3	6.5	8.7	7.0	7.7	6.6	7.0	4
234012	9	2122110447	Nguyễn Nhựt Duy		12/07/2004	CCQ2211E	7.3	7.5	6.0	9.0	8.0	7.8	7.4	7.6	3
234012	10	2122110214	Quách Văn Duy		24/03/2004	CCQ2211F	5.8	7.0	5.0	4.0	7.0	5.7	6.4	6.1	3
234012	11	2122110202	Nguyễn Phước Dương		20/10/2004	CCQ2211F	6.8	7.3	6.0	5.7	7.0	6.5	7.4	7.0	3
234012	12	2122110219	Vũ Đại Dương		19/07/2004	CCQ2211F	5.5	4.3	6.8	7.7	7.0	6.6	4.4	5.3	1
234012	13	2122110196	Nguyễn Đình Đoán		10/01/2004	CCQ2211E	6.5	6.0	6.0	7.3	7.0	6.7	5.2	5.8	3
234012	14	2122110195	Phạm Quang Hà		29/08/2004	CCQ2211E	6.0	7.5	7.0	8.0	7.0	7.2	6.0	6.5	4
234012	15	2122110176	Đoàn Ngọc Hải		29/09/2004	CCQ2211E	5.5	5.0	5.0	9.0	7.0	6.8	6.8	6.8	3
234012	16	2122110205	Phạm Hoàn Hải		18/04/2004	CCQ2211F						0.0		0.0	
234012	17	2122110237	Lê Nhật Hân		29/01/2003	CCQ2211F	5.8	5.8	5.5	8.0	7.5	6.9	5.8	6.2	2
234012	18	2122110194	Đình Ngọc Hiếu		25/10/2004	CCQ2211E	4.0	5.8	6.0	8.3	7.0	6.6	5.4	5.9	3
234012	19	2122110163	Trương Thanh Hoài		17/04/2004	CCQ2211E						0.0		0.0	
234012	20	2122110498	Lương Hoàng Huy		22/08/2004	CCQ2211F	5.3	6.8	6.8	8.3	7.0	7.1	6.6	6.8	1
234012	21	2122110209	Phạm Gia Huy		19/09/2004	CCQ2211F	4.3	5.5	6.8	5.0	7.0	5.8	5.2	5.4	1
234012	22	2120200246	Nguyễn Hồng Huyền		09/07/2002	CCQ2020H	3.0	5.0	6.0	7.3	7.0	6.1	5.4	5.7	3
234012	23	2122110223	Bùi Khắc Hưng		03/05/2004	CCQ2211F						0.0		0.0	
234012	24	2122110497	Lê Nguyên Khang		30/09/2004	CCQ2211F	5.3	5.0	6.0	9.0	7.0	6.9	6.6	6.7	2
234012	25	2122110228	Nguyễn Trọng Khoa		27/09/2004	CCQ2211F	6.8	5.0	6.5	8.3	7.0	7.0	5.2	5.9	2
234012	26	2122110226	Đinh Văn Kiên		16/08/2004	CCQ2211F	5.8	7.0	6.5	7.3	8.5	7.3	5.6	6.3	2

						LT1	LT2	ĐL	BS	RL				tiểu đội
234012	27	2122110240	Phạm Văn Kiệt	20/05/2004	CCQ2211F	5.0	6.3	6.5	9.7	8.0	7.6	5.6	6.4	2
234012	28	2122110166	Nguyễn Thị Vân Kiều	11/07/2004	CCQ2211E	6.5	5.8	6.5	9.3	7.0	7.3	6.8	7.0	5
234012	29	2122110230	Đoàn Xuân Lâm	16/03/2004	CCQ2211F	8.0	8.0	6.5	5.0	7.5	6.8	7.8	7.4	2
234012	30	2122110197	Trần Thanh Lâm	06/01/2003	CCQ2211E	4.5	5.5	6.5	8.0	8.0	6.9	6.2	6.5	5
234012	31	2122110206	Trương Tấn Hoàng Lân	18/07/2004	CCQ2211F	4.5	6.0	7.0	7.7	7.0	6.7	3.8	5.0	2
234012	32	2120240239	Nguyễn Chúc Linh	30/04/2002	CCQ2024H	3.5	4.0	6.0	4.7	7.0	5.3	6.4	5.9	5
234012	33	2122110173	Nguyễn Thị Mỹ Linh	30/07/2004	CCQ2211E	6.5	6.3	6.5	9.3	7.0	7.4	5.8	6.4	5
234012	34	2120200252	Nguyễn Thị Trúc Linh	29/05/2002	CCQ2020H	6.0	5.5	6.5	4.0	8.0	6.0	6.2	6.1	6
234012	35	2122110216	Nguyễn Tiến Hoàng Long	23/08/2003	CCQ2211F	5.0	5.8	5.0	5.0	7.0	5.7	5.4	5.5	2
234012	36	2122110177	Trịnh Xuân Long	02/10/2004	CCQ2211E	5.8	5.8	5.0	7.3	7.0	6.4	7.0	6.8	3
234012	37	2122110183	Lê Thành Luân	24/07/2004	CCQ2211E	7.3	7.8	8.0	9.7	8.0	8.3	6.4	7.2	4
234012	38	2122110448	Vũ Đình Nam	18/12/2004	CCQ2211F	5.8	5.3	6.3	9.3	7.0	7.1	5.0	5.9	1
234012	39	2122110217	Bùi Nguyên Ngà	17/05/2004	CCQ2211F	4.0	7.0	8.0	7.7	8.0	7.2	6.8	7.0	1
234012	40	2122110449	Lê Ánh Ngọc	28/09/2004	CCQ2211F	6.5	6.0	8.0	9.3	9.0	8.2	6.6	7.2	6
234012	41	2120200261	Nguyễn Khôi Nguyên	16/06/2001	CCQ2020H	5.3	5.3	6.5	8.3	7.0	6.8	5.8	6.2	4
234012	42	2122110172	Kiều Bá Thu Nguyệt	23/06/2004	CCQ2211E						0.0		0.0	
234012	43	2122110213	Huỳnh Anh Nhật	06/09/2004	CCQ2211F	4.5	7.3	6.8	7.0	7.0	6.7	7.6	7.2	1
234012	44	2122110185	Nguyễn Bảo Nhi	15/01/2004	CCQ2211E	6.8	6.5	6.5	9.3	7.5	7.6	6.2	6.8	6
234012	45	2122110235	Nguyễn Tấn Phát	19/04/2004	CCQ2211F	6.8	6.3	6.0	9.0	7.0	7.3	7.4	7.4	3
234012	46	2122110220	Nguyễn Xuân Phát	26/05/2004	CCQ2211F	7.3	7.0	6.8	7.7	7.0	7.2	6.6	6.8	1
234012	47	2122110170	Huỳnh Thanh Phú	19/01/2004	CCQ2211E	6.8	6.5	5.5	9.0	7.0	7.3	6.4	6.7	3
234012	48	2122110181	Lý Bình Phú	03/10/2004	CCQ2211E	5.0	6.8	8.0	8.7	8.5	7.7	6.4	6.9	3
234012	49	2122110208	Lê Thị Anh Phương	01/01/2003	CCQ2211F	5.8	6.3	6.0	9.0	7.0	7.1	5.6	6.2	5
234012	50	2122110446	Nguyễn Long Nhật Quang	01/09/2004	CCQ2211E						0.0		0.0	
234012	51	2122110187	Nguyễn Tiết Xuân Quý	11/11/2003	CCQ2211E	5.8	7.0	6.5	8.3	8.0	7.4	7.0	7.2	6
234012	52	2122110234	Võ Thanh Sang	19/06/2004	CCQ2211F	4.0	5.3	6.8	7.7	7.0	6.5	6.4	6.4	1
234012	53	2122110236	Nguyễn Trường Sinh	24/11/2004	CCQ2211F	5.5	6.3	8.0	8.7	9.0	7.9	6.6	7.1	2
234012	54	2122110210	Lê Chí Tài	01/07/2004	CCQ2211F	5.5	5.0	6.3	6.7	7.0	6.3	5.4	5.8	1
234012	55	2122110186	Nguyễn Hiếu Tài	15/04/2004	CCQ2211E						0.0		0.0	
234012	56	2122110169	Nguyễn Tấn Tài	21/03/2004	CCQ2211E	4.8	5.0	7.0	8.7	7.0	6.9	6.0	6.3	4
234012	57	2122110191	Nguyễn Trần Đức Tài	02/07/2004	CCQ2211E	6.0	5.0	7.0	8.3	7.0	7.0	5.8	6.3	4
234012	58	2122110233	Trần Nữ Bích Thái	06/11/2003	CCQ2211F	4.0	6.0	6.0	8.3	7.0	6.7	7.0	6.9	5
234012	59	2122110203	Phạm Thị Hồng Thắm	09/04/2004	CCQ2211F	5.8	5.0	8.0	5.3	8.0	6.5	5.0	5.6	5
234012	60	2122110221	Trương Minh Thắng	26/09/2004	CCQ2211F	4.0	5.5	6.0	4.7	7.5	5.7	5.8	5.8	5
234012	61	2122110231	Đỗ Đăng Xuân Thiên	20/11/2004	CCQ2211F	5.3	7.0	6.8	4.0	7.0	5.9	5.6	5.7	1

						LT1	LT2	ĐL	BS	RL					tiểu đội
234012	62	2122110229	Ngô Phước Thịnh		07/01/2004	CCQ2211F	5.8	6.5	8.0	8.0	9.5	7.9	6.8	7.2	2
234012	63	2122110175	Phạm Đình Thuần		28/05/2004	CCQ2211E	5.0	6.3	7.0	9.3	7.0	7.3	6.2	6.6	4
234012	64	2120240227	Hoàng Nguyễn Anh Thư		03/03/2002	CCQ2024G	6.0	7.8	6.0	9.0	7.0	7.4	6.2	6.7	5
234012	65	2122110218	Từ Văn Anh Thư		11/11/2004	CCQ2211F	4.8	5.8	6.5	7.0	7.0	6.4	5.6	5.9	6
234012	66	2122110168	Nguyễn Thị Ngọc Thương		20/06/2004	CCQ2211E	8.8	8.8	6.5	9.3	8.5	8.5	8.6	8.6	6
234012	67	2122110557	Võ Thị Kiều Tiên		01/08/2004	CCQ2211E	6.0	7.3	6.5	9.3	7.0	7.5	5.2	6.1	5
234012	68	2122110182	Nguyễn Trung Tình		02/10/2004	CCQ2211E						0.0		0.0	
234012	69	2122110162	Trần Văn Toàn		22/05/2004	CCQ2211E	6.8	5.3	6.5	9.0	7.5	7.4	6.8	7.0	4.0
234012	70	2122110171	Thập Nữ Thanh Trúc		13/08/2004	CCQ2211E	6.5	7.0	6.5	5.7	7.0	6.5	6.8	6.7	6.0
234012	71	2122110179	Trần Thiện Trung		04/05/2004	CCQ2211E	6.8	4.5	7.0	9.7	7.0	7.4	5.6	6.3	4.0
234012	72	2122110225	Trương Minh Tuấn		09/07/2004	CCQ2211F	6.3	6.8	6.8	4.3	7.0	6.1	7.2	6.7	1
234012	73	2122110239	Bùi Thị Ngọc Tuyền		21/07/2004	CCQ2211F	4.8	6.0	6.5	8.3	7.0	6.8	5.4	6.0	6.0
234012	74	2122110198	Lâm Minh Tuyền		09/01/2004	CCQ2211E	6.5	6.3	7.0	8.3	7.0	7.2	7.0	7.1	4.0
234012	75	2122110499	Lưu Hoài Vốn		19/09/2002	CCQ2211F	6	6	6.8	8.7	7.0	7.2	6.0	6.5	1.0

